

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **41/2017/HNGĐ-ST**
Ngày 01 tháng 8 năm 2017
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thiệu Hoàng Mới
2. Ông Nguyễn Văn Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai, Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2017/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Trần Thị Kim A**, địa chỉ: ấp A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

2. *Bị đơn:* **Võ Minh C**, địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 19/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Trần Thị Kim A trình bày:

Giữa nguyên đơn với bị đơn là ông Võ Minh C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009, không có đăng ký kết hôn. Hai người có 02 con chung là Võ H sinh ngày 03/9/2009 và Võ K sinh ngày 22/9/2012. Quá trình chung sống do không cùng quan điểm, tính tình không phù hợp, ông C có tính ghen tuông nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cự cãi và xúc phạm nhau; hiện đang sống ly thân nhau đã hơn một năm nay. Nay bà A xin được ly hôn ông C; về con chung bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai cháu H và K đến trưởng thành, không yêu cầu ông C cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Võ Minh C trình bày:

Do bận việc phải đi làm ăn xa nên không thể về tham dự các phiên hòa giải, xét xử ở Tòa án được, nên đã làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn có sự xác nhận của Công an xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng ngày 28/6/2017; nội dung đơn có nêu ý kiến đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể là đồng ý ly hôn với bà A; đồng ý giao 02 con chung cho bà A nuôi dưỡng, không cấp dưỡng; tài sản chung và nợ là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện Kiểm sát:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với bà A và ông C; giao 02 con chung cho bà A trực tiếp nuôi, ông C không phải cấp dưỡng vì bà A tự nguyện không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Về thủ tục tố tụng: Đối với ông Võ Minh C là bị đơn trong vụ án vắng mặt phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét về quan hệ hôn nhân, giữa bà Trần Thị Kim A với ông Võ Minh C thuộc trường hợp nam, nữ tổ chức cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên về nguyên tắc không được pháp luật công nhận là vợ chồng, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân này là không hợp pháp. Từ việc hôn nhân được xem là không hợp pháp nên khi có yêu cầu ly hôn, Tòa án không xem xét mâu thuẫn của các bên để khuyến khích hòa giải đoàn tụ, hàn gắn; chỉ xem xét giải quyết các tranh chấp về nuôi con chung và tài sản chung nếu có, theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*”.

Theo quy định này và trên cơ sở đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2] Về con chung: Bà A và ông C có 02 con chung chưa thành niên (sinh năm 2009 và 2012), tại thời điểm thụ lý vụ án thì cháu K sinh năm 2012 ở với bà A, còn cháu H sinh năm 2009 ở với bà nội và đi học, từ khi nghỉ hè đến nay cháu H về ở với bà A, nguyện vọng của cháu H cũng muốn được ở với bà A nếu cha mẹ cháu phải ly hôn; hiện nay bà A đang trực tiếp nuôi cả hai cháu và có yêu cầu

được tiếp tục nuôi cả hai cháu H và K đến trưởng thành mà không yêu cầu ông C cấp dưỡng. Xét thấy ông C thường xuyên đi làm ăn xa nhà nên không có đầy đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên, mặt khác ông C cũng đã thể hiện ý kiến đồng ý giao 02 con chung cho bà A nuôi, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu này của bà A và ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 14; 51; 53 và 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Kim A và ông Võ Minh C.

- *Về con chung:* Giao hai cháu Võ H sinh ngày 03/9/2009 và Võ K sinh ngày 22/9/2012 cho bà Trần Thị Kim A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành; ghi nhận sự tự nguyện của bà A không yêu cầu ông Võ Minh C cấp dưỡng nuôi con. Ông C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005829, ngày 19/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Diệu